

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC DẠY HỌC CẤU TẠO TỪ THEO ĐỊNH HƯỚNG GIAO TIẾP

• LÊ THỊ MINH NGUYỆT

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Dạy học tiếng Việt theo định hướng giao tiếp là một vấn đề đang được các nhà phương pháp dạy học tiếng Việt và giáo viên Ngữ văn hết sức quan tâm. Giao tiếp (communication) được hiểu là một định hướng, nguyên tắc, và phương pháp đặc thù trong việc dạy học tiếng Việt. Dạy học tiếng Việt theo định hướng giao tiếp sẽ rõ ràng và dễ thực thi hơn khi ta dạy học về câu, về hội thoại, văn bản... Từ, đặc biệt là bình diện cấu tạo (so sánh với bình diện nghĩa, ngữ pháp, chức năng) chỉ có quan hệ xa xôi với các nhân tố trong hoạt động giao tiếp nên dạy học cấu tạo từ khó thể hiện được định hướng giao tiếp. Dạy học cấu tạo từ theo định hướng giao tiếp ngoài việc tuân thủ nguyên tắc chung của dạy học tiếng Việt, dạy học từ ngữ, theo chúng tôi còn phải tuân thủ những nguyên tắc đặc thù.

1. Dạy học cấu tạo từ không tách rời với dạy học nghĩa từ

Bình diện cấu tạo từ là một bình diện thuộc về cấu trúc trong hệ thống ngôn ngữ. Đây là một bình diện không thể bỏ qua khi xác định từ. Mặc dù biết rằng sự tổ chức các hình vị trừu tượng theo những phương thức nhất định là từ - cấu tạo, nhưng chúng ta không thể quên rằng: căn cứ xác định cấu tạo từ chính là nghĩa từ. Cấu tạo từ không chỉ là cấu tạo về hình thức mà còn là cấu tạo về nghĩa. Phương thức cấu tạo từ được xem xét ở cả hai mặt hình thức và chủ yếu là ngữ nghĩa. Đây là cách thức tác động vào các loại yếu tố cấu tạo khác nhau theo những cơ chế khác nhau để chúng ta có một loạt từ có hình thức ngữ âm giống nhau và ngữ nghĩa giống nhau. Dạy học cấu tạo từ, do đó tất yếu không thể xa rời với nghĩa từ, không thể biệt lập trong những dấu hiệu hình thức. Nếu không hiểu nghĩa từ thì con người sẽ không thể đưa nó vào sử dụng trong giao tiếp. Nghĩa từ ở đây phải được xem xét ở hai mức độ: mức độ thứ nhất, từ ngữ nghĩa là chung cho nhiều từ nhưng điểm chung

này không chỉ xét ở cấu trúc biểu niệm mà là nghĩa hệ thống của hàng loạt từ. Trong vốn từ vựng của mỗi ngôn ngữ, tồn tại và có thể phân tách ra nhiều tiểu hệ thống, mỗi tiểu hệ thống là một nhóm từ, lớp từ có cùng chung kiểu cấu tạo, chung một kiểu nghĩa nhất định; mức thứ hai, từ ngữ nghĩa là riêng cho một từ hay là ý nghĩa từ vựng nếu xét ở sự cụ thể hoá các nét nghĩa phạm trù trong cấu trúc biểu niệm.

Từ - cấu tạo có tính chất chung đồng loạt nên dạy nghĩa của từ phải dạy nghĩa trong hệ thống. Ví dụ: Trong khi dạy từ ghép đẳng lập, người giáo viên phải chỉ ra các kiểu từ ghép nhỏ hơn xét theo quan hệ nghĩa giữa các tiếng. Có một số kiểu nghĩa hệ thống sau: Từ ghép có nghĩa tổng hợp, mỗi tiếng có ý nghĩa riêng và các nghĩa đó cùng gộp nhau lại, hội tụ lại để biểu thị nghĩa chung của từ ghép (quần áo, anh em, điện nước, vợ chồng...); từ ghép trong đó các tiếng đồng nghĩa hoặc gần nghĩa, chúng lặp lại nhau về mặt nghĩa để biểu thị nghĩa chung của từ ghép, nghĩa chung của toàn từ ghép tương tự với nghĩa từng tiếng (dấu vết, binh lính, cấp bậc, chợ búa, đất đai, đường xá, núi non...); Từ ghép trong đó các tiếng có nghĩa khác nhau, nhưng chỉ có nghĩa của một tiếng là nghĩa của toàn từ ghép (gà què, mặt mày, thuốc men, tóc tai, ăn mặc...); một số từ ghép đẳng lập chuyển sang nghĩa khác so với nghĩa của từng tiếng (gánh vác, đi lại, ăn ở...). Từ ghép chính phụ không có quan hệ bình đẳng giữa các yếu tố và phân biệt yếu tố chính, yếu tố phụ. Trong từ ghép chính phụ có kiểu từ ghép mà tiếng chính nêu chủng loại sự vật và tiếng phụ nêu tiểu chủng loại đó. Yếu tố phụ có khả năng chi tiết hoá ý nghĩa chủng loại của tiếng chính (Ví dụ: xe đạp, xe máy, bánh mì, bánh rán...); từ ghép chính phụ có ý nghĩa sắc thái hoá trong đó tiếng phụ có khả năng làm cho tiếng chính có thêm một sắc thái nào đó khác với từ ghép cùng có tiếng chính đó. Tiểu loại này thường thấy ở tính từ (Ví dụ: xanh

lơ, xanh biếc, xanh ngắt, xanh sậm...).

Nói đến nghĩa hệ thống của từ láy, không thể không nhắc đến giá trị biểu trưng của từ láy. Giá trị biểu trưng (sound symbolism) đã được một số nhà ngôn ngữ học chỉ ra như là mẫn cảm ngôn ngữ của người bản ngữ. Dạy học cấu tạo từ cần giúp học sinh nhận ra được nghĩa hệ thống của hàng loạt từ. Đây chính là con đường giúp học sinh tích lũy được một vốn từ vựng phong phú và đa dạng không phải theo kiểu tự phát mà một cách ý thức và khoa học nhất. Bởi vốn từ vựng trong đầu óc con người không phải là sự tập hợp hỗn độn hay cô lập lẫn nhau mà là một hệ thống chặt chẽ tương tự như hệ thống từ vựng trong ngôn ngữ. Cách tích lũy vốn từ thông qua những tiểu hệ thống từ vựng chung kiểu cấu tạo tương đương với một kiểu nghĩa nhất định vừa giúp học sinh có một vốn từ phong phú lại vừa chắc chắn, đảm bảo tính khoa học mà tư duy phải đạt đến một trình độ nhất định, con người mới ý thức được cho mình sự tích lũy từ vựng theo kiểu này. Nghĩa của từ bên cạnh nghĩa hệ thống, phải dạy cho học sinh nhận biết và khu biệt nghĩa từng từ cụ thể. Trong một dãy từ vựng, mỗi từ lại có một giá trị ngữ nghĩa riêng của nó mà học sinh cần chỉ ra được hay nắm được. Trong dãy từ có nét nghĩa chung, điều quan trọng là chỉ ra các nghĩa khác nhau tương ứng với sự vật, khái niệm, hiện tượng khác nhau (điển hình trong các từ ghép có cùng cấu tạo) cũng như phát hiện ra sắc thái nghĩa khác nhau ở những từ có chung một kiểu cấu tạo (điển hình là các từ ghép sắc thái hoá và từ láy). Dạy học cấu tạo từ không thể tách rời với dạy nghĩa của từ. Nghĩa của từ phải chú ý đến mặt chung và mặt riêng, chung cho một lớp từ, nhóm từ và riêng biệt cho tự thân từng từ. Tích lũy vốn từ qua cấu tạo từ là một bước tiến quan trọng trong quá trình thủ đắc ngôn ngữ.

2. Dạy học cấu tạo từ phải đặt từ vào trong lòng các đơn vị lớn hơn

Nếu ở phần trên, chúng ta quan tâm đến sự tích lũy vốn từ thì ở đây học từ đòi hỏi phải học cách sử dụng từ. Đây là một quan điểm hoàn toàn không mới, thường được lấy đi lấy lại trong nguyên tắc dạy học tiếng Việt nói chung và được nhấn mạnh trong nguyên tắc hướng đến hoạt động giao tiếp: phải đặt các đơn vị đang xét vào những đơn vị lớn hơn (từ đặt trong câu, câu trong văn bản...). Dạy học cấu tạo từ không nằm

ngoài quy luật đó. Dạy học cấu tạo từ cũng cần phải xuất phát từ ngôn bản vị, nguyên lí về sự hành chức của ngôn ngữ với tư cách là một công cụ giao tiếp. Nhiều ý kiến cực đoan cho rằng, nghĩa của từ riêng rẽ là không có, chỉ có nghĩa cụ thể trong từng cách dùng cụ thể. Riêng đối với từ phức (từ ghép và từ láy), chúng ta phải thấy rằng, ngữ cảnh nhỏ nhất của từ chính là bản thân từ đó vì việc tạo ra từ phức từ những từ đơn đã là đặt từ đơn đó vào một ngữ cảnh nhỏ nhất để xác định ý nghĩa của chúng. Tuy vậy, khi đã là từ phức, mặc dù ý nghĩa tương đối sáng tỏ nhưng nó chỉ thật sự được hiện thực và cụ thể hoá cả hình thức cấu tạo và ý nghĩa khi được đặt vào trong những câu (phát ngôn). Ví dụ bài thơ "Rắn đầu biếng học" của Lê Quý Đôn:

*Chẳng phải liu diu cũng giống nhà
Rắn đầu biếng học quyết không tha
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ
Nay thét mai gấm rát cổ cha
Ráo mép chỉ quen phường lếu láo
Lần lừng cam chịu vết roi da
Từ nay Trâu, Lỗ xin siêng học
Kẻ hổ mang danh tiếng thế gia.*

Các từ: hổ lửa, mai gấm, ráo mép, hổ mang là những từ ghép chỉ tên các loài rắn nhưng đặt trong bài thơ này chúng lại tồn tại với tư cách là những từ đơn với ý nghĩa khác. Trong tiếng Việt, ranh giới giữa từ ghép và cụm từ rất khó nhận ra nếu không đặt từ vào trong giao tiếp. Khi đặt vào trong hoàn cảnh này, đó có thể là từ ghép nhưng trong hoàn cảnh giao tiếp khác đó lại là một cụm từ, thậm chí là một câu. Ví dụ ta có đơn vị ngôn ngữ "ăn không" trong các hoàn cảnh giao tiếp (HCGT) sau:

- HCGT 1: + Hôm nay bữa cơm chỉ ăn không, thật đạm bạc.

("ăn không" là một từ ghép chỉ cách ăn, bữa cơm không có thức ăn)

- HCGT 2: + Sao mà cứ đi ăn không của người khác như vậy?

("ăn không" là từ ghép chỉ cách lấy không của người khác bằng mảnh khoé, thủ đoạn)

- HCGT 3: + Cứ ngồi mà ăn không như thế, của là bao nhiêu rồi cũng hết.

("ăn không" là từ ghép, chỉ việc ăn tiêu mà không chịu làm gì kiểu như "ăn không ngồi rồi")

- HCGT 4: (Mẹ nói với con)

+ Nào, ăn không?

("ăn không" là một câu hỏi nhưng với mục

đích ra lệnh)

HCGT 5: (2 bạn nói chuyện với nhau)

+ Ăn không?

("ăn không" là câu nghi vấn với mục đích hỏi)

Để hiểu nghĩa của từ không chỉ là ý nghĩa từ điển mà phải đi từ ý nghĩa của ngữ cảnh, của câu đến ý nghĩa của từ.

Khi dạy học cấu tạo từ, bên cạnh việc nhận diện các kiểu cấu tạo từ, quan trọng hơn phải chỉ ra được quy tắc kết hợp từ trong một câu. Đây là quan hệ ngang tức sự kết hợp ngữ pháp. Phần lớn từ ghép đẳng lập là danh từ tổng loại sự vật thì không thể trực tiếp kết hợp với số từ (như: ếch nhái, hổ báo, cam quýt,...). Nếu đứng sau số từ thì kiểu cấu tạo này phải đi với danh từ chỉ đơn vị tự nhiên là tập hợp (một rổ cam quýt, một chuồng gà vịt,...). Có thể thấy cách kết hợp tương tự như vậy ở trường hợp từ láy phi cá thể (như: máy móc, hội hè...). Từ ghép chính phụ chỉ sắc thái (xanh biếc, xanh ngắt, tím ngắt, đỏ sậm, xanh om, trắng tấp...) và từ láy toàn bộ (xanh xanh, tím tím, trắng trắng...) thì thường không đi với phụ từ chỉ mức độ. Điều đặc biệt là có những vị trí ở trong câu tiếng Việt đòi hỏi phải là từ đơn chứ không thể là từ láy, từ ghép hay ngược lại. Ví dụ: Có thể nói "Nó bước đi một cách vội vàng" chứ không thể nói "Nó bước đi một cách vội." Rõ ràng, trong một câu, khi ở vị trí là trạng từ chỉ cách thức, người Việt thường ưa dùng từ phức hơn là từ đơn.

Dạy học cho học sinh phân biệt các kiểu từ chia theo cấu tạo không thể tách rời với dạy học nghĩa từ, dạy cách kết hợp từ tức là hướng dẫn cho học sinh cách sử dụng từ trong hoạt động giao tiếp. Đây chính là mục đích cuối cùng của việc dạy học từ.

3. Dạy học cấu tạo từ phải đặt từ vào trong hoạt động giao tiếp, môi trường văn hoá

Việc xác định nghĩa của từ đòi hỏi phải đặt nó vào trong một ngữ cảnh văn hoá nhất định bao gồm tổng thể cái gọi là văn hoá bao quanh hoạt động sản sinh và thu nhận văn bản. Nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới cho rằng việc nghiên cứu ngôn ngữ là lý do tồn tại của ngôn ngữ học và nghĩa luôn cần phải được xem xét trong ngữ cảnh vì mọi trường hợp sử dụng ngôn ngữ không thể xảy ra trong chân không (avacuum) được. Nó phải xuất hiện trong một ngữ cảnh

nhất định. Đây chính là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng.

Cấu tạo từ là hiện tượng thuộc về cấu trúc nội tại của một loại đơn vị trong hệ thống và chủ yếu có ý nghĩa đối với việc xác định loại hình cấu trúc của ngôn ngữ. Cấu tạo từ không gắn trực tiếp hay không bị chi phối trực tiếp bởi các nhân tố giao tiếp (nhân vật giao tiếp, hoàn cảnh, nội dung, mục đích giao tiếp) mà nó chỉ có quan hệ xa xôi với các nhân tố giao tiếp này. Quan hệ xa xôi được thể hiện qua cấu trúc ngữ nghĩa. Nghĩa giao tiếp là loại nghĩa được thể hiện qua hoạt động giao tiếp với cơ chế mở của ngôn ngữ. Hoàn cảnh giao tiếp mà dạy học cấu tạo từ được đặt ra ở đây còn phải nói đến môi trường văn hoá. Dạy học tiếng luôn phải chú ý đến văn hoá, phong nền văn hoá và cụ thể ở đây là văn hoá giao tiếp. Dạy học ngôn ngữ mà không gắn liền với văn hoá là đã bỏ qua cái gốc của vấn đề: đằng sau ngôn ngữ là văn hoá. Ví dụ về các từ ghép đẳng lập, trật tự các thành tố trong từ ghép có thể hoán vị nhưng có một số điều kiện khống chế khả năng hoán vị tự do của các tiếng như: sự hoán vị đưa lại một tổ hợp có ý nghĩa khác ý nghĩa của từ ghép ban đầu do khó đọc, không thuận theo cách phát âm của người Việt hoặc trật tự cố định được xác lập do tập quán cổ truyền. Ví dụ, xét hai nhóm từ sau: Nhóm 1: anh chị, ông bà, trai gái, nam nữ, cậu mợ, chú thím,... được sắp xếp theo trật tự giới tính, nam trước nữ sau. Nhóm 2: con cháu, cha anh, anh em, trên dưới, bác cháu... được sắp xếp theo quy tắc thứ bậc: bậc trên - bậc dưới. Dạy học cấu tạo từ cho học sinh cần phải đồng thời đan xen chỉ ra quy tắc văn hoá nằm ở tầng sâu bên trong. Trong cấu tạo từ tiếng Việt, ranh giới khó phân biệt giữa từ ghép và cụm từ mà ta thường gặp là những từ mang tính chất thay vai (dùng quan hệ gia đình thay đại từ). Ví dụ: Câu: "Hai ông cháu đang chơi cờ" ("ông cháu" là từ ghép đẳng lập, "ông cháu" = ông + cháu.) Nhưng trong HCGT:

A: - Bà ơi, ông cháu đâu?

B: - Ông cháu đang chơi cờ bên hàng xóm
"Ông cháu" là cụm từ chính phụ, "ông cháu" = ông (của) cháu. Chúng ta sẽ thấy tương tự như vậy trong các từ: ông con, anh em, anh chị em, anh chị, bà con, bà cô, con mẹ, cha anh, cha chú... Mặt khác, người Việt có xu hướng dùng từ song tiết hơn là từ đơn tiết trong việc diễn đạt tư tưởng, tình cảm. Việc sử dụng từ đơn hay từ phức

lắm khi không mang tính bắt buộc, không ảnh hưởng đến chức năng thông báo của câu nhưng trong văn viết và cả văn nói khi dùng các từ để miêu tả, người Việt thích dùng từ song tiết để tạo nên sự cân đối, hài hoà, mềm mại, uyển chuyển và giàu sức biểu cảm hơn.

4. Xét về mặt tĩnh, từ - cấu tạo là cái đã có, đã tồn tại trong từ, là căn cứ để phân loại từ nhưng xét về mặt động, nó là kết quả của quá trình vận động trong lòng ngôn ngữ, kết quả quá trình ngôn ngữ đã sử dụng các tài liệu sẵn có để tạo ra các từ nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp của xã hội. Rõ ràng, cấu tạo từ tồn tại ở hai dạng (hay dạng kép): vừa là sản phẩm, vừa là phương thức. Dạy học cấu tạo từ trong nhà trường hiện nay mới chỉ dừng lại ở mặt tĩnh. Mặt tĩnh đó mới chỉ có nhiệm vụ xác định cấu trúc của từ về mặt cấu tạo, tức là cấu trúc trong nội bộ từ. Học cấu tạo từ không chỉ thấy được những kiểu cấu tạo đã định hình ở các từ cho sẵn trong mẫu lời nói ở sách giáo khoa mà còn phải biết mở rộng đến các kiểu cấu tạo từ đang sinh sôi, biến đổi ở thế giới bên ngoài, trong những hoạt động giao tiếp sống động. Về từ ghép, cần dạy cho học sinh cả từ ghép bậc hai. Từ ghép bậc hai có cấu tạo từ 3 tiếng trở nên trong đó có một từ ghép liên kết với một từ đơn khác để tiếp tục phân loại chi tiết hơn. Ví dụ: xe đạp + điện = xe đạp điện, dầu gội + đầu = dầu gội đầu... Cấu tạo từ dù là bình diện tương đối tĩnh tại, khi đi vào trong lời ăn tiếng nói hàng ngày có thể xảy ra các hiện tượng khác nhau như: tách, gộp, bẻ, xen kẽ từ.

Dạy học sinh bài học cấu tạo từ, giáo viên không chỉ cho học sinh thấy được mặt tĩnh tại của cấu trúc từ. Đi vào giao tiếp, ở một số trường hợp phân loại theo cấu tạo, có thể hoán vị vị trí các tiếng trong từ hay đảo trật tự các thành tố trong từ. Để hoán vị nhất là các thành tố trong từ ghép đẳng lập có nghĩa bao gộp, khái quát và từ ghép có các tiếng lập nghĩa (Ví dụ: quần áo - áo quần, vợ chồng - chồng vợ, đợi chờ - chờ đợi, tìm kiếm - kiếm tìm...). Từ láy thường không đảo được trật tự các thành tố, tuy vậy có một số lượng ít từ láy có thể đảo được trật tự thành tố (Ví dụ: ngơ ngẩn - ngẩn ngơ, thần thờ - thờ thần, mớ mẹt - mẹt mớ...).

Tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình từ nên những trường hợp biến đổi cấu tạo từ trong hoạt động giao tiếp chỉ là hiện tượng lâm thời biến đổi của từ tiếng Việt, khác xa hiện tượng

biến hình ở các ngôn ngữ khác. Người giáo viên cũng phải chỉ ra cho học sinh thấy rằng không phải bao giờ việc áp dụng các mô hình cấu tạo đó cũng đưa đến những sáng tạo thoả đáng, được mọi người trong cộng đồng chấp nhận. Còn có rất nhiều trường hợp không được mọi người rộng rãi chấp nhận, phổ biến là trường hợp "giả đồng nghĩa" hay chỉ giống nhau ở hình thức ngữ âm, trùng hình thức ở một âm tiết nhưng lại được dùng thay thế cho nhau để tạo nên sự mới mẻ, sáng tạo và ấn tượng trong giao tiếp: Bắc Cạn (uống cạn), Campuchia (chia tiền), Suzuki (ki bo), Holliwood (con út)... Nếu đi sâu vào vấn đề này, thu thập tài liệu để nghiên cứu sẽ thấy một số lượng từ phong phú, đa dạng lợi dụng yếu tố đồng âm trong giao tiếp thường ngày của một bộ phận học sinh, sinh viên đang dùng trong giao tiếp sinh hoạt vì không được ghi vào trong từ điển nhưng lại không ngừng được sản sinh nhằm "lạ hoá" ngôn ngữ giao tiếp. Do vậy, người giáo viên phải chỉ ra cho các em chuẩn mực sử dụng từ ngữ; những từ nào có thể được sử dụng, những từ nào không nên sử dụng và những trường hợp nào chỉ được sử dụng trong hoàn cảnh nào. Giáo viên cần giúp học sinh tự biết cách đánh giá mẫu lời nói, chấp nhận những mẫu lời nói chuẩn mực, loại bỏ những hiện tượng lệch chuẩn và thậm chí là không lành mạnh để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội và những vấn đề cơ bản*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.
2. Gillian Brown, George Yule. *Phân tích diễn ngôn*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Bùi Minh Toàn, *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

SUMMARY

The article analyzes some principles of communication-oriented teaching of word formations, i.e. the teaching of word formations is not separated from teaching the meanings of words; the teaching of word formations must put the word in a larger unit and in a communication context and must be based on the standards in using the word.